

THÁI THỊ XUÂN ĐÀO

MODULE GDTX

4

HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA NGƯỜI LỚN



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Đối tượng học viên của giáo dục thường xuyên ở các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm tin học, ngoại ngữ... rất đa dạng về độ tuổi, về trình độ văn hoá, về hoàn cảnh gia đình, về vốn kinh nghiệm và hiểu biết văn hoá xã hội. Tuy nhiên, phần lớn học viên của giáo dục thường xuyên là người lớn.

Với tư cách là người lớn, học viên giáo dục thường xuyên và hoạt động học tập của họ có nhiều đặc điểm khác biệt so với trẻ em. Vì vậy, cách dạy, cách tổ chức cho người lớn học không thể giống hoàn toàn với cách dạy và cách tổ chức dạy học trẻ em. GV giáo dục thường xuyên cần phải nắm rõ các đặc điểm khác biệt này của người lớn để có những phương pháp dạy học phù hợp, giúp người lớn học có hứng thú và hiệu quả.

Module này sẽ đề cập tới những nội dung chính sau đây:

- Đặc điểm khác biệt của người lớn so với trẻ em.
- Đặc điểm hoạt động học tập của học viên người lớn.
- Những thuận lợi và khó khăn của người lớn khi tham gia học tập.
- Nguyên tắc, hình thức và phương pháp giáo dục người lớn.
- Một số phẩm chất, năng lực và kĩ năng cần thiết đối với GV tham gia giáo dục người lớn.



B. MỤC TIÊU

1. MỤC TIÊU CHUNG

Module này nhằm cung cấp cho GV của giáo dục thường xuyên một số hiểu biết về đặc điểm khác biệt của người lớn so với trẻ em và đặc điểm hoạt động học tập của họ để từ đó GV giáo dục thường xuyên có thể khái quát được một số nguyên tắc giúp người lớn học có hiệu quả, cũng như một số phẩm chất, năng lực và kĩ năng cần thiết đối với GV tham gia giáo dục người lớn.

2. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Sau khi học xong module này, người học có thể:

2.1. VỀ KIẾN THỨC

- Nêu được một số đặc điểm khác biệt của người lớn so với trẻ em.
- Mô tả được đặc điểm học tập của người lớn cần lưu ý khi tổ chức cho người lớn học.
- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của người lớn khi tham gia học tập và đề xuất được cách khắc phục, hạn chế những khó khăn đó.
- Trình bày được một số nguyên tắc giúp người lớn học có hiệu quả.
- Liệt kê được một số phẩm chất, năng lực và kĩ năng cần thiết đối với GV tham gia giáo dục người lớn.

2.2. VỀ KĨ NĂNG

Biết phát huy điểm mạnh của người lớn và biết giúp người lớn khắc phục một số khó khăn/hạn chế do tuổi tác hoặc do vừa học, vừa làm.

2.3. VỀ THÁI ĐỘ

Có thái độ tôn trọng, tin tưởng đối với học viên người lớn.



C. NỘI DUNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm khác biệt của người lớn so với trẻ em.

1. MỤC TIÊU

Sau hoạt động này, người học có thể nêu lên được một số đặc điểm khác biệt của người lớn so với trẻ em và những thuận lợi và khó khăn của người lớn khi tham gia học tập.

2. THÔNG TIN CƠ BẢN

a) Đặc điểm chung

Khác với trẻ em, người lớn có một số đặc điểm sau cần lưu ý:

- Là những người đã trưởng thành về tâm sinh lí và trưởng thành về mặt xã hội.

- Họ có khả năng tự lập, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm không những đối với bản thân, mà còn đối với những người khác (con cái).
- Lao động sản xuất kiếm sống là hoạt động chủ đạo. Học tập là thứ yếu.
- Hầu hết đã có gia đình và con cái.
- Là người lao động chính, là chủ gia đình, là công dân của xã hội.
- Có vốn kinh nghiệm sống và hiểu biết xã hội phong phú.
- Có động cơ, mục đích học tập rõ ràng. Học để đáp ứng yêu cầu của công việc.
- ...

b) Đặc điểm của người lớn với tư cách là học viên

- * Kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước cũng như kinh nghiệm thực tiễn giáo dục người lớn ở nước ta cho thấy một số đặc điểm đặc thù của người lớn với tư cách là học viên cần được chú ý. Đó là:
 - Người lớn là những người tự lập, có lòng tự trọng cao. Họ tự giác, tự nguyện học tập mà không cần bảo ban nhắc nhở nhiều. Trong học tập cũng như trong cuộc sống, người lớn muốn được thể hiện mình là người tự lập, chủ động. Người lớn không muốn bị ra lệnh, ép buộc, áp đặt. Người lớn ý thức được họ cần học cái gì? Học để làm gì? Người lớn học hoặc không học cái gì đều có chủ định. Tuy nhiên, người lớn với tư cách là học viên rất dễ tự ái nếu bị xúc phạm, nếu kinh nghiệm của mình không được tôn trọng, đề cao...
 - Người lớn có vốn kinh nghiệm sống, sản xuất và hiểu biết xã hội phong phú. Vốn kinh nghiệm, hiểu biết này có ý nghĩa sâu sắc đối với họ. Kinh nghiệm đối với người lớn là một cái gì đó khẳng định bản thân. Vì vậy, nếu kinh nghiệm của người lớn không được coi trọng hoặc bị lãng quên, thì họ cho rằng điều đó không chỉ phủ nhận kinh nghiệm của họ, mà còn phủ nhận chính họ. Vốn kinh nghiệm của người lớn là những tư liệu thực tế rất có giá trị, có tác dụng giúp quá trình nhận thức của người lớn nhanh hơn, dễ dàng hơn và nhớ lâu hơn so với trẻ em. Tuy nhiên, cũng chính vì vốn kinh nghiệm đó mà người lớn thường có tính bảo thủ cao, có tâm lý “tự tôn”. Kinh nghiệm thường tạo cho người lớn “cảm giác biết rồi” – là một trong những cản trở tâm lý lớn đối với việc học tập. Cảm giác này làm cho họ không muốn nghe, không muốn tiếp thu, không muốn đi sâu vào bản chất vấn đề.

- Người lớn học để phục vụ cho sản xuất, công tác và cuộc sống hiện tại. Họ học để làm tốt các vai trò xã hội của mình: vai trò người sản xuất, người vợ, người chồng, người cha, người mẹ, người công dân... Người lớn không có nhu cầu, điều kiện và thời gian để học những kiến thức lý thuyết, xa rời thực tiễn, không vận dụng ngay. Người lớn muốn học những cái thiết thực, có thể vận dụng được ngay. Họ muốn áp dụng vào ngày mai những gì họ được học ngày hôm nay, chứ không phải cho tương lai. Vì vậy, người lớn muốn học theo vấn đề hơn là theo môn học như trẻ em.
- * Về sự khác biệt giữa người lớn và trẻ em đã được nhiều nghiên cứu khẳng định:
 - Howard Clusky cho rằng: Những số liệu từ nhiều nguồn khác nhau đang là cơ sở ngày càng làm nổi bật một hệ tâm lý khác biệt của người lớn.
 - Theo M. Knowles: “Trẻ em trước tiên coi mình là hoàn toàn phụ thuộc. Trong ý thức ban đầu nó cho rằng nó hoàn toàn phụ thuộc vào thế giới người lớn đã nuôi dưỡng và quyết định mọi việc cho nó. Trong tuổi thơ ấu và tuổi trẻ thì sự phụ thuộc đó được củng cố khi người khác quyết định thay nó nhiều điều lúc ở nhà, ở trường, ở nhà thờ, sân chơi hay mọi nơi. Nhưng đến lúc nào đó nó vui sướng khi tự mình đã có được những quyết định... Là người lớn tức là phải hoạt động tự thân. Khi thay đổi này xuất hiện, nó sẽ có nhu cầu tâm lý sâu xa là được người khác và bản thân nhận thức mình như là một người tự lập hoàn toàn. Đây là quan niệm cốt lõi của Giáo dục học người lớn. Giáo dục học người lớn phải quán triệt sâu sắc rằng nhu cầu sâu xa nhất của một người lớn là phải được coi trọng và được coi là một người độc lập với người khác. Giáo dục học người lớn lấy người học làm trung tâm và định hướng vào các vấn đề của họ”. M. Knowles còn khẳng định rằng người lớn không chỉ khác trẻ em ở chỗ thân thể của họ không phù hợp với bàn ghế của trẻ em, mà chính những nhu cầu và kinh nghiệm của họ khác trẻ em tới mức cần phải có các chương trình, nội dung và tài liệu riêng, cần phải có phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục khác.
 - J. Kidd cho rằng chương trình học của người lớn phải là cái gì đó kéo dài suốt 20, 30, 40 năm; coi người lớn là người lớn chứ không coi họ là trẻ em phổ thông; là một cái gì đó mà họ có thể làm tự nguyện; là cái gì đó phù

hợp với người lớn tuổi hoặc những người trưởng thành... Ông đã phê phán quan niệm sai lầm hiện nay về giáo dục người lớn: các trường phổ thông và các trường đại học vẫn quen với việc coi người học là trẻ em. Vì vậy, nếu cho rằng cái đang làm là giáo dục, thì nếu một người lớn nào đó muốn được giáo dục, người đó cũng cần phải học cái đó. Thực tế trong nhiều năm, người lớn không chỉ phải học theo một chương trình soạn cho trẻ em, do những GV chỉ có kinh nghiệm dạy trẻ em hướng dẫn, mà còn phải ngồi trên những bàn ghế dùng cho trẻ em. Ngày nay, phần lớn những nhà giáo dục nhất trí rằng, chương trình và phương pháp giảng dạy phải phù hợp với những mục đích giáo dục và với cả những nhu cầu của người học... Ông đã khẳng định rằng, ngày càng có thêm nhiều bằng chứng khẳng định sự cần thiết phải có cách tiếp cận đặc biệt đối với việc học của người lớn.

c) Khả năng học tập của người lớn

Một thời gian dài người ta không để ý, quan tâm tới học tập của người lớn, thậm chí bị “lãng quên” như tên của một cuốn sách của M. Knowles. Học tập người lớn bị “lãng quên” bởi người ta cho rằng việc học chỉ dành riêng cho trẻ em, rằng người lớn không có khả năng học tập. Nhiều định kiến về khả năng học tập của người lớn đã và vẫn còn đang tồn tại cho đến ngày nay. J. Kidd trong tác phẩm *Người lớn học như thế nào?* đã phê phán một số quan niệm, định kiến sai lầm sau về khả năng học tập của người lớn.

- Quan niệm “Bản chất con người không thể thay đổi được”. Quan niệm này cho rằng con người ta là cái gì đó cố hữu, nghĩa là bản chất không thể thay đổi được. Vì vậy, mọi cố gắng đều là vô ích nếu muốn xoá bỏ tình trạng nô lệ, hay muốn biểu tình chống chiến tranh, muốn xoá bỏ bóc lột lao động trẻ em hoặc xoá bỏ sự bất bình đẳng về giới, sắc tộc, màu da. Thực tế cho thấy nhân cách con người có thể hình thành và phát triển dưới tác động của môi trường, của giáo dục và hoạt động của chính bản thân con người. Người châu Á, châu Phi từ đầu thế kỉ này và bây giờ đã có nhiều thay đổi.
- Quan điểm “Bạn không thể dạy con chó già làm trò mới được”. Lời ám chỉ này cho rằng người lớn không thể học được. Những người yêu quý chó

đã nhanh chóng phủ nhận điều này là không đúng, chỉ những người chẳng hiểu gì về chó mới nói như vậy.

- Quan niệm “lỗ hổng trong đầu” về học tập: Quan niệm này cho rằng đầu óc của trẻ em còn nhiều lỗ hổng do chưa bị nhồi nhét tạp chất qua năm tháng như người lớn và vì vậy còn có sức chứa một cái gì đó nữa, có khả năng học, còn người lớn thì không.
- Quan niệm “trí óc” học tập. Quan niệm này cho rằng học hoàn toàn là công việc của trí óc, mà trí óc của người lớn thường bị coi là kém phát triển.
- Tuổi trí tuệ của người lớn bình thường chỉ bằng đứa trẻ 12 tuổi. Quan niệm này cho rằng người lớn chỉ là “cậu bé to lớn”. Tuy nhiên, người lớn không chỉ là một cậu bé to lớn, vì những tế bào của cơ thể đã khác và những kinh nghiệm cũng rất khác.
- Tuổi người lớn là thời kì “hoá đá về tâm lí”: Những định kiến này về khả năng học tập người lớn kéo dài nhiều thế kỉ và là cản trở to lớn đối với việc nghiên cứu lí luận dạy học người lớn.

Tuy nhiên, cho đến cuối những năm 20 của thế kỉ XX, khi cuốn sách *Việc học của người lớn* của Thorndike ra đời (1928), những định kiến về khả năng học tập người lớn đã bắt đầu xoay chuyển. Tiếp theo, kết quả của nhiều công trình nghiên cứu thực nghiệm nghiêm túc của các nhà khoa học Mỹ, phương Tây và Liên Xô cũ (Herbert Sorenson, Harold E. Jones, Herbert S. Conrad; W.R. Miles, John Dewey, B.G. Ananhev, E.I. Schepanôva, E.P. Tônkônôga, U.I.N. Kuliukin...) đều khẳng định rằng tuổi tác có ảnh hưởng tới sự giảm sút khả năng học tập của người lớn, nhưng không phải là yếu tố quyết định. Quá trình học tập trước đây, quá trình rèn luyện, hoạt động tích cực của từng người, vốn kinh nghiệm là những yếu tố có ảnh hưởng mạnh hơn, quyết định hơn đối với năng lực và kết quả học tập của người lớn so với yếu tố tuổi tác và thể lực.

Thorndike, ngay từ năm 1928, trong cuốn sách *Việc học của người lớn* của mình đã chỉ ra rằng, tuổi tác không phải là một yếu tố có ý nghĩa lắm đối với việc học tập, rằng tất cả mọi người, nam cũng như nữ đều có thể học được. Thorndike đã khẳng định rằng “*Nói chung, không có ai dưới 40 lại không tự cố gắng học lấy một cái gì đó vì tin hay sợ rằng già quá không có khả năng học được. Anh ta cũng không dùng cái sợ hãi đó như là một*

cái cô để không học cái mà bắt buộc phải học. Nếu anh ta không học được, nếu cô chẳng thì việc không cô khả năng lại ít khi vì tuổi già. Việc giáo dục của người lớn tuổi không mắc phải cản trở bí ẩn nào do tuổi tác của người học”.

W.R. Miles trên cơ sở tổng kết các công trình nghiên cứu của Thorndike và từ kết quả nghiên cứu của mình đã kết luận rằng *“Tuổi tác không có ý nghĩa gì đối với học tập ở bất kỳ giai đoạn nào trong suốt cuộc đời”.*

Từ những năm 30 của thế kỷ XX, nhiều nghiên cứu ở phương Tây đã khẳng định rằng người lớn có thể học như sinh viên đại học chính quy, thậm chí có trường hợp còn tốt hơn. Herbert Sorenson (1933) đã nghiên cứu tỉ mỉ khả năng học tập người lớn và đã nhận xét như sau *“Kết quả đo đạc cho thấy rằng những khả năng của những sinh viên khoa tại chức và tập trung là ngang nhau. Ở một vài trường đại học, người học khoa tại chức có khả năng hơn và ở một số trường khác thì sinh viên chính quy có trội hơn nhưng ở bất kỳ trường học nào thì sự khác biệt không lớn lắm”.*

Gần 20 năm sau, John Dewey nêu lên rằng học viên người lớn loại khá cũng học tốt bằng hoặc hơn sinh viên loại khá và số người mức trung bình cả hai loại gần như ngang nhau. Nhiều số liệu cũng cho thấy ở nhiều nước Tây Âu, người ta quan tâm đặc biệt và ưu tiên cho những học viên người lớn, có kinh nghiệm trong sản xuất nông – công nghiệp và trong các ngành dịch vụ. Toàn bộ điều đó dường như khẳng định một điều rằng mọi người đều có thể và hoàn thành tốt công việc, mặc dù có những khác biệt cá nhân đáng kể về năng lực và động cơ. Có những số liệu đáng chú ý ở Anh và ở nhiều nước Tây Âu về kết quả học tập của học viên tại chức, đặc biệt là ở nơi có nhịp độ làm việc và học tập được tổ chức một cách thích hợp. Thực tế tại các khoa đại học mở trường đại học Bắc Mỹ tiếp tục cho thấy điểm số của những sinh viên người lớn ở các lớp đại học bằng hoặc cao hơn điểm trung bình của sinh viên “chính khoá” trong các kì thi cuối khoá, tuy những sinh viên tại chức ít chiếm vị trí đầu bảng hơn so với sinh viên tập trung.

Đến thập kỷ 70 của thế kỷ XX, J. Kidd khi nghiên cứu về học tập của người lớn lại tiếp tục khẳng định rằng *“Không những độ tuổi 45 là tốt nhất*

mà có thể tuổi 75” và ông đã lấy dẫn chứng kết luận của Bộ Lao động Mỹ “Năng lực đạt mức cao nhất ở những năm 45 tuổi đến 65 tuổi”.

Ở Liên Xô cũ, B.G. Ananhep và nhóm cộng tác viên đã nghiên cứu sự phát triển của các chức năng tâm lý qua các giai đoạn lứa tuổi khác nhau. Bằng việc sử dụng các máy móc hiện đại chính xác và với tinh thần làm việc nghiêm túc, tỉ mỉ, khoa học và kiên trì trong nhiều năm, kết quả nghiên cứu của ông đã khẳng định *“Các chức năng tâm lý chú ý, trí nhớ, tư duy không hề bị giảm sút ở độ tuổi 18 – 40”*. Điều đó chứng tỏ người lớn vẫn có khả năng học tập tốt, bởi khả năng học tập được hiểu là năng lực tiếp thu thông tin, ghi nhớ và lưu giữ chúng trong trí nhớ và xử lý chúng để giải quyết các vấn đề khác nhau. Tất nhiên, kết quả học tập không chỉ phụ thuộc vào các quá trình tâm lý riêng lẻ, mà phụ thuộc vào toàn bộ nhân cách, vào động cơ học tập.

Kết quả nghiên cứu của B.G. Ananhep và nhóm cộng tác viên của ông còn cho thấy, các chức năng khác nhau phát triển không đồng đều và không cùng vào một thời gian. Ví dụ, ở giai đoạn này trí nhớ phát triển nhanh, thì giai đoạn khác là tư duy. (Đây chính là sự lệch pha của phát triển.) Kết quả thực nghiệm cũng cho thấy tuổi càng cao thì các chức năng càng có liên quan với nhau, càng gắn liền với nhau trong một tổng thể thống nhất. Điều này cho phép con người có khả năng bù trừ nhược điểm của một chức năng này (ví dụ trí nhớ) bằng sự phát triển cao hơn của các chức năng khác (ví dụ tư duy).

E.P. Tônkônôga, nhà giáo dục người lớn của Liên Xô (cũ) cho rằng sự phát triển ở lứa tuổi người lớn mang tính khác biệt cao, rằng *“sự phát triển các chức năng tâm lý không chỉ là hiện tượng thuần túy về lứa tuổi, mà nó chủ yếu phụ thuộc vào trình độ văn hoá, kinh nghiệm sống, hoạt động nghề nghiệp, vào tính tích cực xã hội, vào sự rèn luyện của mỗi người. Vì vậy rất khó khái quát”*. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của bà còn cho thấy ngoài một số hạn chế do tuổi tác, nhìn chung người lớn có một số đặc điểm chung sau:

Về chú ý: Những thuộc tính và phẩm chất của chú ý thường được hoàn thiện hơn như tính bền vững, sự phân bố và phạm vi của chú ý. Người lớn có thể tập trung chú ý trong thời gian dài khi nghe những vấn đề lí

luận trừu tượng. Phạm vi chú ý của người lớn thường lớn hơn 2 – 5 lần so với phạm vi chú ý của trẻ em. Người lớn có thể tri giác từ 4 – 6 đối tượng khác nhau ở mức độ rõ ràng. Người lớn thường cần ít thời gian hơn để tri giác hàng loạt đối tượng trong quá trình học tập. Đối với người lớn, chú ý chủ định phát triển. Điều đó cho phép người lớn có thể thoải mái tập trung lâu dài khi cần thiết. Nghiên cứu còn cho thấy khi 30 – 35 tuổi, không thấy có sự giảm bớt phạm vi, tính di chuyển, tính bền vững, tính lựa chọn của chú ý. Tuy một vài chức năng của chú ý có giảm, nhưng không nhiều lắm, và không có ảnh hưởng lắm đến quá trình học tập của người lớn.

Về trí nhớ nhìn chung đối với người lớn thiên về trí nhớ hỗn hợp bằng hình ảnh, âm thanh, đặc biệt là hình ảnh. Trí nhớ ý nghĩa chiếm ưu thế. Những người lớn có trình độ học vấn cao, thường xuyên luyện tập thì sẽ có trí nhớ phát triển tốt hơn trẻ em. Ngược lại, những người không đi học bao giờ lại kém hơn trẻ em.

Về tư duy, ở độ tuổi người lớn có sự khác biệt lớn, phụ thuộc vào các yếu tố xã hội hơn là tuổi tác. Tư duy của người ít học không hẳn là logic chặt chẽ mà thiên về tư duy hình ảnh, tư duy cụ thể.

Nhà tâm lý học I.U.N. Kuliutkin (Liên Xô cũ) thì khẳng định rằng “Nhân cách người lớn vẫn tiếp tục phát triển. Dạy học vẫn có thể tác động tới sự phát triển nhân cách của người lớn. Tuy nhiên, sự phát triển ở tuổi người lớn cần phải được nhìn nhận dưới góc độ khác. Sự phát triển ở tuổi người lớn không chỉ là sự tăng thêm một kiến thức cụ thể nào đó, không phải là sự phát triển một chức năng nào đó, mà còn chủ yếu là sự phát triển tính độc lập, nhu cầu, hứng thú, quan điểm, thái độ, thế giới quan, nhân sinh quan”.

Kết quả nghiên cứu của Trần Trọng Thủy, Lê Quang Long và Ngô Nhật Quang về đặc điểm tâm lý của học viên BTVH đã khẳng định:

- Sự chú ý của người lớn di chuyển chậm, nhưng có khả năng tập trung lâu bền. Tuy nhiên, chú ý chủ định tương đối phát triển. Họ có thể tập trung chú ý hàng giờ nếu vấn đề thiết thực, có ý nghĩa.
- Ở người lớn, ghi nhớ máy móc bị giảm sút, nhưng ghi nhớ ý nghĩa của họ vẫn còn tốt. Họ dễ nhớ và nhớ lâu những gì thiết thực, gần gũi và được vận dụng vào trong sản xuất và đời sống.